

Số: 1419/QĐ-UBND

Bàu Bàng, ngày 24 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bộ quy trình xử lý công việc về giải quyết thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực trong phạm vi áp dụng của Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Phòng Quản lý đô thị huyện Bàu Bàng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKH-CN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 71/2016/NQ-HĐND9 ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương;*



Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/ Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị khác tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính sửa đổi, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng/ Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 3598/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Giao thông vận tải/ Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải/Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải/ Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng về việc Ban hành Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện Bàu Bàng tại Tờ trình số 192/TTr-QLĐT ngày 17 tháng 5 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ quy trình xử lý công việc về giải quyết thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực trong phạm vi áp dụng của Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Phòng Quản lý đô thị huyện Bàu Bàng.

**Điều 2.** Giao Phòng Quản lý đô thị huyện Bàu Bàng căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung quy định tại danh mục thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực trong phạm vi áp dụng của Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 để thực hiện đầy đủ, chính xác những yêu cầu cụ thể của Hệ thống quản lý chất lượng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện Bàu Bàng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3476/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng về việc ban hành bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực trong phạm vi áp dụng của Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện.

**Nơi nhận:**

- TT.HU; TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo ISO;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, N<sub>m</sub>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Thành Giàu**



**PHỤ LỤC**

**Danh mục quy trình thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực trong phạm vi áp dụng của Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Phòng Quản lý đô thị huyện**

*(Kèm theo Quyết định số 1419/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bầu Bàng)*

**Tổng số: 35 thủ tục hành chính thuộc 04 lĩnh vực**

STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Ký hiệu	Trang
<b>I. Lĩnh vực Đường thủy nội địa</b>			
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT-01/ĐTND	01
2	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT-02/ĐTND	04
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khai thác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT-03/ĐTND	04
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT-04/ĐTND	10
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-05/ĐTND	13
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT-06/ĐTND	16
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT-07/ĐTND	19
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-08/ĐTND	22



STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Ký hiệu	Trang
9	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT-09/ĐTND	25
10	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT-10/ĐTND	28
11	Thủ tục thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT-11/ĐTND	30
12	Thủ tục thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-12/ĐTND	32
13	Thủ tục công bố hoạt động bến thủy nội địa	QT-13/ĐTND	35
14	Thủ tục công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	QT-14/ĐTND	38
15	Thủ tục công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	QT-15/ĐTND	41
16	Thủ tục gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	QT-16/ĐTND	44
17	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT-17/ĐTND	47
18	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT-18/ĐTND	50
19	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT-19/ĐTND	52
20	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-20/ĐTND	55
21	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-21/ĐTND	58
22	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT-22/ĐTND	61

STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Ký hiệu	Trang
23	Công bố đóng hoạt động bến khách ngang sông, bến thủ nội địa phục vụ thi công công trình chính.	QT-23/ĐTND	64
<b>II. Lĩnh vực Hoạt động xây dựng</b>			
24	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-01/HĐXD	66
25	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-02/HĐXD	69
26	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-03/HĐXD	74
27	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-04/HĐXD	75
28	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT-05/HĐXD	78
29	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không	QT-06/HĐXD	81

STT	Lĩnh vực/Thủ tục hành chính	Ký hiệu	Trang
	theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
30	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	QT-07/HĐXD	84
31	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	QT-08/HĐXD	86
<b>III. Lĩnh vực Quy hoạch - kiến trúc</b>			
32	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-01/QHKT	88
33	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT-02/QHKT	90
34	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT-03/QHKT	92
<b>IV. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật</b>			
35	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT-01/HTKT	94